

QUÁ TRÌNH PHÂN ĐỊNH BIÊN GIỚI GIỮA NAM BỘ VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA TỪ GIỮA THẾ KỶ XIX ĐẾN NAY

LÊ TRUNG DŨNG*

Việc phân định biên giới giữa các quốc gia bao giờ cũng là một vấn đề nhạy cảm. Sau 130 năm kể từ những thỏa thuận đầu tiên, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, tháng 10-2005, Việt Nam và Campuchia đã thống nhất được cùng nhau việc phân định toàn bộ đường biên giới trên bộ. Đây là một bước tiến dài trên con đường xây dựng một đường biên giới ổn định, hòa bình và hữu nghị giữa hai nước. Trong tiến trình nghiên cứu một số vấn đề lịch sử của vùng đất Nam Bộ, chúng tôi xin được công bố bài viết này về quá trình phân định biên giới giữa Nam Bộ và Campuchia. Bài viết chưa đề cập tới việc phân định biên giới giữa vùng Trung Bộ và Campuchia. Trước khi đi vào tìm hiểu quá trình phân định biên giới giữa Nam Bộ và Campuchia, ta cùng điểm qua quá trình xác định chủ quyền của Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ.

Theo các thư tịch cổ Trung Quốc, vào đầu Công nguyên tại vùng đất Nam Bộ ngày nay xuất hiện quốc gia Phù Nam của những cư dân Mã Lai - Đa Đảo (Malayo - Polinésien) (1). Từ thế kỷ I đến thế kỷ VI, Phù Nam phát triển mạnh và buộc các quốc gia trong vùng phải thần phục. Trong số những thuộc quốc của Phù Nam có Chân Lạp, một quốc gia của người Khơme nằm ở vùng Trung lưu sông Mê Kông và khu vực

gần Biển Hồ. Khoảng giữa thế kỷ VI, Chân Lạp hùng cường lên, thôn tính Phù Nam (2). Sau khi bị Chân Lạp thôn tính, vùng đất Phù Nam cũ được mang tên “Thủy Chân Lạp” để phân biệt với “Lục Chân Lạp” là vùng đất gốc của Chân Lạp. Chúng ta chưa biết được gì nhiều về Thủy Chân Lạp từ thế kỷ VII đến thế kỷ XVI. Chúng ta chỉ biết rằng vào cuối thế kỷ XIII, Chu Đạt Quan, một người Trung Quốc có dịp đến Chân Lạp đã mô tả vùng đất Nam Bộ như sau:

“Bắt đầu vào Chân Bô (vùng cửa sông Tiền Giang) hầu hết cả vùng đều là bụi rậm của khu rừng thấp, có những cửa rộng của con sông lớn chạy dài hàng trăm dặm. Bóng mát của những gốc cây cổ thụ và cây mây dài tạo thành nhiều chỗ xum xuê. Tiếng chim hót và thú hoang kêu vang dội khắp nơi. Đi đến nửa đường trong sông, người ta mới bắt đầu thấy những cánh đồng nhưng đều bị bỏ hoang phế, không có một gốc cây nào. Xa hơn tầm mắt chỉ toàn là cỏ kê đây rẫy, hàng trăm hàng ngàn con trâu rừng tụ họp thành từng bầy trong vùng này, tiếp đó là nhiều con đường dốc đầy tre chạy dài hàng trăm dặm” (3).

Chúng ta cũng chưa biết chính xác những lý do gì khiến cho chính quyền Chân Lạp hầu như bỏ rơi Thủy Chân Lạp và

*TS. Viện Sử học.

vùng này trở thành vùng đất hoang vu, dân cư thưa thớt. Một số nhà nghiên cứu cho rằng nguyên nhân là do Chân Lạp không đủ nhân lực và vật lực khai phá vùng đất sinh lầy ngập mặn này (4). Một số khác lại cho rằng đây là kết quả của cuộc chiến tranh xâm lược của nước Java tới vùng này vào thế kỷ XIV (5). Theo những nghiên cứu địa chất và môi trường gần đây, trong khoảng thế kỷ VII - XIII tại vùng này đã diễn ra đợt biển tiến Haloxen IV với mực nước dâng cao 0,8 m so với mực nước hiện nay (6). Điều này hẳn đã làm cho phần lớn vùng đất Thủy Chân Lạp bị ngập mặn. Liệu đây có phải là nguyên nhân khiến cho vùng này trở nên hoang vu?

Đầu thế kỷ XVII, sau khi Vương quốc Chăm Pa bị thôn tính, biên giới phía Nam của Việt Nam dừng lại trước ngưỡng cửa của Vương quốc Khome. Tiếp tục công cuộc Nam Tiến, chủ yếu theo con đường ngoại giao, Việt Nam từng bước xác định được chủ quyền của mình trên lãnh thổ Nam Bộ ngày nay.

Thực ra, từ cuối thế kỷ XVI, nhiều lưu dân người Việt từ vùng Thuận - Quảng đã chạy đến vùng Bà Rịa, Đồng Nai ngày nay lập nghiệp. Năm 1620, với mục đích tìm kiếm sự ủng hộ của chính quyền chúa Nguyễn, vua Chân Lạp Chey Chettha II cưới con gái chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên làm hoàng hậu. Dưới sự bảo trợ của bà hoàng hậu người Việt này, cư dân Việt Nam tới làm ăn sinh sống ở lưu vực sông Đồng Nai ngày càng nhiều. Những hoạt động của cộng đồng cư dân ngày càng đông của người Việt đã tạo điều kiện thuận lợi cho chúa Nguyễn từng bước hợp pháp hóa sự kiểm soát của mình đối với vùng đất đã được người Việt khai khẩn.

Năm 1623, chúa Nguyễn được vua Campuchia Chey Chettha II cho phép lập

thương điểm ở vị trí tương ứng với Sài Gòn (Tp. Hồ Chí Minh ngày nay) để thu thuế (7).

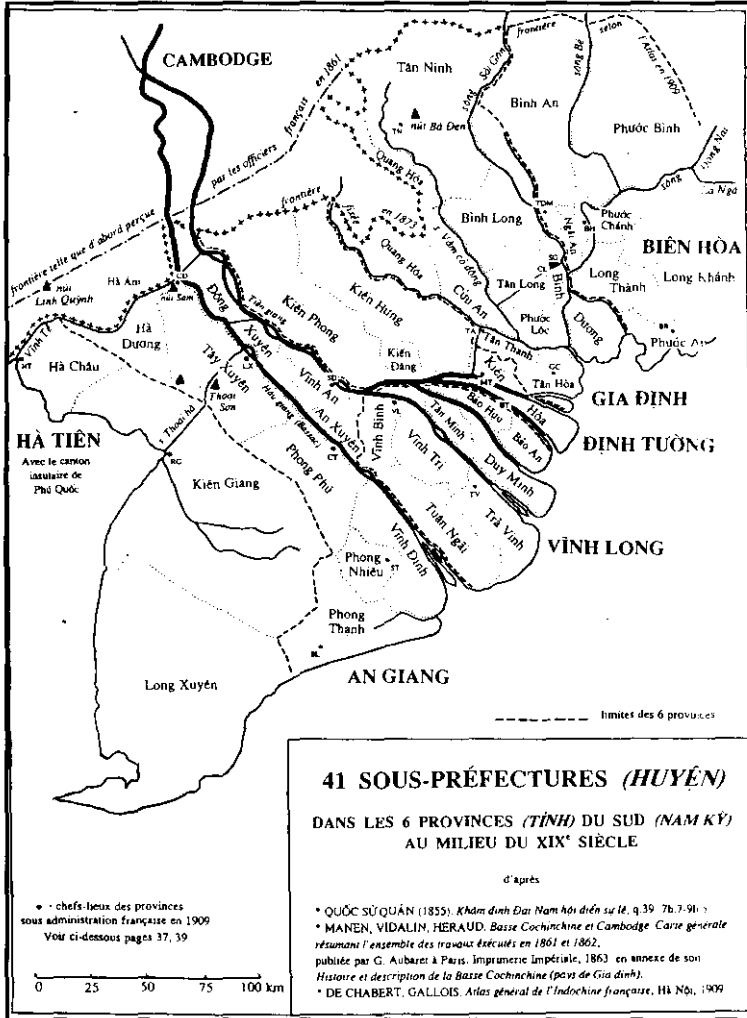
Năm 1658, Chân Lạp xâm phạm lãnh thổ của chúa Nguyễn ở vùng Thuận - Quảng. Chúa Nguyễn sai quân đi đánh tan buộc Chân Lạp "*làm phiên thần hàng năm nộp cống*" (8).

Năm 1679, hơn 3.000 quân tướng cũ nhà Minh (Trung Quốc) của Dương Ngạn Địch, Hoàng Tiến, Trần Thượng Xuyên và Trần An Bình, không chịu quy phục nhà Thanh đến Đà Nẵng xin được quy phục chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn chấp nhận và khiến vua Chân Lạp cho họ tới lập nghiệp ở đất Đông Phố, vùng Đồng Nai, Mỹ Tho (9).

Cùng thời gian này, Mạc Cửu người Quảng Đông (Trung Quốc), cũng vì không khuất phục triều Thanh, tới Chân Lạp "*chiêu tập dân xiêu dạt đến các nơi Phú Quốc, Càn Bột, Giá Khê, Luống Cày, Hương Úc, Cà Mau (thuộc tỉnh Hà Tiên) lập thành 7 xã thôn*" (10), biến toàn bộ vùng đất Hà Tiên thành khu vực cát cứ của dòng họ mình, hoàn toàn độc lập, không lệ thuộc vào chính quyền Chân Lạp nữa.

Năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu cử Nguyễn Hữu Cảnh [Kính] vào kinh lược vùng Đông Phố. *Đại Nam thực lục* chép: "*Bắt đầu đặt phủ Gia Định, Sai Thống suất Nguyễn Hữu Kính kinh lược đất Chân Lạp, chia đất Đông Phố, lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phúc Long (nay thăng làm phủ) dựng dinh Trấn Biên (tức Biên Hòa ngày nay), lấy xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình (nay thăng làm phủ, dựng dinh Phiên trấn (tức Gia Định ngày nay), mỗi dinh đều đặt các chức lưu thủ, cai bạ, ký lục và các cơ đội thuyền thủy bộ tinh binh và thuộc binh. Mở rộng đất đai được nghìn dặm, được hơn 4 vạn hộ, bèn chiêu mộ những người dân xiêu dạt từ Bắc Chính trở về Nam cho đến ở cho*

BẢN ĐỒ LỤC TỈNH NAM KỲ VÀO GIỮA THẾ KỶ XIX



Nguồn: Philippe Langlet et Quach Thanh Tam, *Atlas historique des six provinces du sud du Vietnam du milieu du XIX au début du XX siècle*. Les Indes savants, Paris, 2001, p. 19.

đông” (11). Gia Định trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa và hành chính - chính trị của Nam Bộ.

Trước sự phát triển nhanh chóng của vùng Gia Định dưới chính quyền chúa Nguyễn, năm 1708, Mạc Cửu đem toàn bộ vùng Hà Tiên mình đang cai quản về với chúa Nguyễn (12).

Cuối năm 1755, do mắc lỗi với chúa Nguyễn, vua Chân Lạp là Nặc Nguyên phải

chạy về Hà Tiên, nương nhờ Mạc Thiên Tứ (con Mạc Cửu). Năm 1756, Nặc Nguyên xin hiến đất hai phủ Tam Bôn, Lôi Lạp và nộp bù lễ cống còn thiếu trong những năm trước để chuộc tội (13). Sau khi Nặc Nguyên qua đời (năm 1757), người kế ngôi là Nặc Nhuận tiếp tục dâng cho chúa Nguyễn vùng Trà Vinh và Ba Thắc (14). Cùng thời gian đó, triều đình Chân Lạp lại rối loạn. Con trai Nặc Nhuận là Nặc Tôn lại chạy sang Hà Tiên nương nhờ Mạc Thiên Tứ.

Mạc Thiên Tứ giới thiệu Nặc Tôn lên Chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn phong cho Nặc Tôn làm vua Chân Lạp, sai Mạc Thiên Tứ hộ tống về nước lên ngôi. Để đền ơn này, Nặc Tôn “*dâng đất Tâm Phong Long [...] cất năm phủ Hương Úc, Cần Vọt, Chân Sum, Sài Mạt, Linh Quỳnh để tạ ơn Mạc Thiên Tứ, Thiên Tứ hiến cho triều đình*” (15).

Với việc dâng đất của Nặc Tôn năm 1757, hầu như toàn bộ vùng đất Nam Bộ thực tế đã hoàn toàn thuộc quyền cai quản của chúa Nguyễn, tức là thuộc chủ quyền của Việt Nam.

Như vậy, có thể nói, do kết quả của những cuộc di dân của những lưu dân người Việt, người Hoa, cũng như do những thỏa thuận của các lực lượng trong triều đình Campuchia với các chúa Nguyễn để đổi lấy sự ủng hộ của các chúa Nguyễn trong cuộc đấu tranh giành quyền lực ở Campuchia, vào cuối thế kỷ XVIII, toàn bộ vùng đất Nam Kỳ đã thuộc về chính quyền các chúa Nguyễn. Thực tế lịch sử này hoàn toàn không phải là một ngoại lệ.

Tuy nhiên, phải công nhận rằng, cũng như tuyệt đại đa số các nước trong khu vực, cho tới thời điểm Pháp chinh phục Đông Dương, biên giới giữa Việt Nam và Campuchia chưa được phân định một cách thực sự rõ ràng bằng các cột mốc. Mặc dù vậy, việc phân chia địa giới hành chính của chính quyền nhà Nguyễn, đặc biệt là việc cấp địa bạ diễn ra vào những năm 1832-1836 cho chúng ta thấy rằng, cho dù không có cột biên giới, người ta vẫn xác định được đâu là lãnh thổ Việt Nam, đâu là lãnh thổ Campuchia. Việc hoạch định và cắm mốc biên giới Việt Nam - Campuchia chỉ thực sự bắt đầu được tiến hành từ sau khi toàn bộ Nam Kỳ bị Pháp chiếm và kéo dài cho tới nay mà vẫn chưa hoàn thành. Toàn bộ quá

trình này có thể được phân thành các giai đoạn như sau:

- Từ 1870 đến nửa đầu những năm 40 thế kỷ XX.
- Từ nửa cuối những năm 40 đến 1975.
- Từ 1975 đến 1978.
- Từ 1979 đến nay.

1. Phân định biên giới Nam Kỳ - Campuchia từ 1870 đến nửa đầu những năm 40 thế kỷ XX

Trước khi tìm hiểu quá trình phân định biên giới Việt Nam - Campuchia trong thời Pháp thuộc, chúng ta cần lưu ý một điều rằng, ngay từ khi thực dân Pháp đang dòm ngó, chuẩn bị cho cuộc xâm lược Việt Nam, năm 1856 vua Chân Lạp là Ang Duong gửi cho hoàng đế Pháp Napoléon III một bức thư bày tỏ nguyện vọng được liên minh với Pháp. Thư của Ang Duong thuật lại vắn tắt (tất nhiên là theo cách nhìn của ông ta) quá trình Việt Nam thôn tính Nam Kỳ, kể một loạt tên các địa phương mà tựa hồ như Việt Nam đã cưỡng chiếm của Chân Lạp. Cuối cùng bức thư viết :

“Nếu người An Nam đến để tặng Đức vua vùng nào trong số các vùng nói trên, tôi mong Đức vua không nhận vì chúng thuộc Campuchia...” (16)

Như vậy, có thể nói vào thời điểm này, triều đình Campuchia có âm mưu lợi dụng Pháp để giành lại những vùng đất mà cha ông họ đã chính thức nhượng cho Việt Nam để đổi lấy sự ủng hộ của Việt Nam trong các cuộc đấu tranh nội bộ giành quyền lực. Tuy nhiên, người Pháp đã không công nhận “quyền” này của Cao Miên. Minh chứng cho điều này là việc liên quân Pháp - Tây Ban Nha vẫn *chỉ có quan hệ với chính quyền Huế*, bằng cách lúc thì dùng chiến tranh, khi thì thông qua đàm phán, ký kết để chiếm đoạt cả Lục tỉnh Nam Kỳ.

Năm 1862, với Hiệp ước Nhâm Tuất, Pháp chiếm 3 tỉnh Đông Nam Kỳ. Năm 1863, Pháp đặt chế độ bảo hộ lên đất Campuchia. Năm 1867, bằng việc chiếm nốt 3 tỉnh miền Tây, toàn bộ Nam Kỳ rơi vào tay Pháp. Như vậy, cả một miền đất liền nhau, gồm Nam Kỳ và Campuchia, trên thực tế đều do Pháp quản lý. Tuy nhiên, do mang những quy chế khác nhau (Nam Kỳ là thuộc địa còn Campuchia là xứ bảo hộ), cả Pháp, lúc này với tư cách là người thực thi chủ quyền trên vùng đất Nam Kỳ, cướp được của Việt Nam, và Campuchia với tư cách là người mà chủ quyền đối với lãnh thổ Campuchia được Pháp tôn trọng theo Hiệp ước năm 1863 (17), đều có nhu cầu xác định cụ thể đường biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia. Mặt khác, rõ ràng rằng Pháp đã hiểu rõ ý đồ của triều đình Campuchia thông qua bức thư năm 1856 của vua Ang Duong. Vì vậy, để điều hòa lợi ích của bản thân mình và trách nhiệm đối với Campuchia, quốc gia được mình bảo hộ, Pháp càng có nhu cầu xác định rõ ràng đường biên giới Nam Kỳ - Campuchia.

Do vậy, sau khi chiếm được Lục tỉnh Nam Kỳ, song song với việc xây dựng bộ máy cai trị của mình trên thuộc địa này, một trong những công việc được Pháp quan tâm hàng đầu là tiến hành hoạch định và phân định cụ thể đường biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia. Công việc được bắt đầu khởi động từ năm 1870 (18).

Cũng cần lưu ý một điều là, vào năm 1861, tức là khi mới chiếm được hai tỉnh Gia Định và Định Tường của Việt Nam, đội quân viễn chinh Pháp đã cử người đi do thám tình hình các tỉnh miền Tây để chuẩn bị cho việc xâm lược toàn xứ Nam Kỳ. Dựa trên các thông tin do thám được, họ đã vẽ ra một đường biên giới giữa Việt Nam và

Cao Miên theo như họ nhận thức trên thực địa. Đường biên giới này ăn sâu nhiều vào lãnh thổ Campuchia. Năm 2001, nhà sử học Pháp Philippe Langlet và Quách Thanh Tâm đã công bố đường biên giới nói trên trong công trình "át lát lịch sử Lục tỉnh Nam Kỳ từ giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX" (19).

Tháng 3-1870, một Ủy ban Liên hợp Pháp - Campuchia gồm 3 viên thanh tra người Pháp và các đại biểu của Campuchia được trao trách nhiệm nghiên cứu vạch đường biên giới giữa hai nước để đưa ra các kiến nghị về việc cắm cọc mốc biên giới (20). Sau khoảng 3 tháng, Ủy ban nêu trên đã trình lên một bản dự thảo việc cắm cột mốc biên giới Nam Kỳ - Campuchia, từ bờ biển gần Hà Tiên đến sông Tonly-tru ở Tây Ninh.

Trên cơ sở các báo cáo - dự án của Ủy ban Liên hợp nêu trên, ngày 9-7-1870 vua Campuchia Norodom và Chuẩn đô đốc Cornuller - Lucinirene, Thống đốc Nam Kỳ nhân danh Chính phủ Pháp đã ký kết Công ước Xác định đường biên giới của Căm-pu-chi-a.

Công ước ngày 9-7-1870 nêu rõ:

"... Đường biên giới vẫn giữ nguyên như đã xác định từ cột mốc số 1 (ở cửa sông Prach-Prien) cho đến cột mốc 16 (ở Ta-sang trên sông Cái-cây).

Vùng đất nằm giữa Cái Bạch và Cái-cây trước đây thuộc lãnh thổ của Pháp (với thu nhập hàng năm vào khoảng 1.000 fr) sẽ được chuyển nhượng cho Căm-pu-chi-a để đổi lấy 486 căn nhà tạo thành các làng ở khu vực Sóc Trăng và Bang-Chrun.

Cột mốc số 17, 18 và các số tiếp theo cho đến Hung-nguyên sẽ được hủy bỏ; Căm-pu-chi-a tiếp tục kiểm soát toàn bộ khu vực lãnh thổ hiện có người Căm-pu-chi-a của

các tỉnh Prey veng, Boni Fuol, Soc-thiet sinh sống.

Đường biên giới sẽ được xác định sau. Phía Pháp sẽ tiếp tục sở hữu dải đất chạy dọc theo sông Vàm Cỏ, do người An Nam nắm giữ hoặc khai thác" (21).

Như vậy, đây là lần đầu tiên, một phần biên giới đất liền giữa Campuchia và Nam Kỳ được đại diện hợp pháp của hai bên xác định cụ thể trong một Công ước.

Ngay sau đó, việc phân định đoạn biên giới giữa Campuchia và Hà Tiên đã được tiến hành. Công việc được hoàn thành vào tháng 1-1872. Biên bản phân định do Quận trưởng Hà Tiên ký ngày 23-1-1872 nêu rõ:

"Đường phân giới giữa Vương quốc Campuchia và Nam Kỳ thuộc Pháp (quận Hà Tiên) xuất phát ở phía Đông đi theo kênh Vĩnh Tế đến nơi mà kênh này gặp lạch Giang Thành, cách Hà Tiên 2 km, từ điểm này, ranh giới được tạo thành do một thành lũy cũ của An Nam sau khi kéo dài trên chiều dài 8.040 m đi đến gặp vịnh Xiêm ở điểm tên là Hon Tas ở vĩ tuyến 10°23'15" Bắc" (22).

Công việc hoạch định toàn bộ đường biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia được hoàn thành vào năm 1873. Trên cơ sở này, ngày 15-7-1873 Phó Đô đốc hải quân, Tổng Tư lệnh Nam Kỳ Dupré, thay mặt Chính phủ Pháp và vua Campuchia Norodom cùng ký kết "Công ước về việc xác định dứt điểm đường biên giới giữa Vương quốc Căm-pu-chi-a và xứ Nam Kỳ thuộc Pháp".

Công ước nêu rõ:

"....

Biên giới giữa xứ Nam Kỳ thuộc Pháp và vương quốc Căm-pu-chi-a sẽ được đánh dấu bằng các cột mốc có đánh số, có ghi chú nêu công dụng của cột. Tổng số cột mốc là 124.

Cột mốc số 1 sẽ được đặt ở điểm cực Đông của đường biên giới và các cột tiếp theo sẽ tiến dần về hướng Tây, theo trật tự tự nhiên của các con số, cho đến cột số 124. Cột số 124 sẽ được đặt cách kênh Vĩnh Tế và làng Hoa Thanh của xứ An Nam 1.200 mét về phía Bắc" (23).

Sau đó Công ước mô tả tương đối chi tiết những địa danh chính mà đường biên giới sẽ đi qua.

Như đã thấy, toàn bộ đường biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia đã được đại diện hợp pháp của hai bên nhất trí phân định.

Trên cơ sở của Công ước nêu trên, hai phía Nam Kỳ và Campuchia đã thành lập ra các Ủy ban cắm mốc để đưa đường biên giới được ấn định lên thực địa, đồng thời vẽ bản đồ đường biên giới. Tuy nhiên, trong quá trình cắm mốc biên giới đã nảy sinh một số tranh chấp, do đó đường biên giới quy định trong Công ước 1873 đã được thay đổi nhiều lần bằng các Nghị định của Toàn quyền Đông Dương, chỉ dụ của vua Campuchia. [Cần lưu ý rằng Theo luật pháp của Pháp, việc di chuyển đất đai giữa các xứ thuộc thẩm quyền của Tổng thống, vì vậy, để hợp pháp hóa những nghị định loại này của Toàn quyền Đông Dương, ngày 20-5-1915, Tổng thống Pháp ra sắc lệnh phê chuẩn tất cả các nghị định loại này của Toàn quyền và cho phép từ lúc đó Toàn quyền có quyền thực hiện những dịch chuyển lãnh thổ trong địa bàn của mình bằng nghị định (24)]. Đáng chú ý nhất trong số những thay đổi này là 4 nghị định của Toàn quyền Đông Dương vào các năm 1914, 1935, 1936 và 1942.

1- Nghị định ngày 31/7/1914 do Chánh Văn phòng Phủ Toàn quyền Đông Dương Vanvollenhoven và Thống sứ Campuchia E. Outrey ký thay mặt Toàn quyền Đông

Dương. Nghị định này xác định đường biên giới mới giữa:

- Các tỉnh Hà Tiên (Nam Kỳ) và Kampot (Campuchia) (điều 1).

- Các tỉnh Tây Ninh (Nam Kỳ) và Prey Veng (Campuchia) (điều 2).

- Các tỉnh Thủ Dầu Một (Nam Kỳ) và Kongpôngcham (Campuchia) (điều 3).

Theo Nghị định này, dải đất nằm giữa Kampot và Hà Tiên, gồm xã Saky và xóm Kan Chanlot được trao cho Nam Kỳ, đồng thời, vùng đất có tên là Cái Cậy nằm giữa Tây Ninh và Prey Veng được trao cho Campuchia. Hai tổng Lộc Ninh và Phước Lễ nằm giữa Kompong Châm và Thủ Dầu Một sẽ thuộc Nam Kỳ (25).

2- Nghị định ngày 6/12/1935 của Toàn quyền Đông Dương René Robin về việc thay đổi ranh giới giữa các tỉnh Châu Đốc (Nam Kỳ) và Candal (Campuchia) giữa sông Mê Kông và Bassac. Nghị định này quy định vị trí cụ thể của các cột mốc biên giới các số từ số 84 đến 88 (26).

3- Nghị định ngày 11/12/1936 của Toàn quyền Đông Dương Silvestre về việc thay đổi ranh giới giữa các tỉnh Châu Đốc (Nam Kỳ) và Preyveng (Campuchia).

Nghị định này quy định vị trí cụ thể của các cột mốc biên giới từ số 79 đến 83 thuộc biên giới giữa tỉnh Châu Đốc (Nam Kỳ) và Preyveng (Campuchia).

4- Nghị định ngày 26/7/1942 của Toàn quyền Đông Dương Decoux điều chỉnh lãnh thổ giữa tỉnh Kandal (Campuchia) và tỉnh Châu Đốc (Nam Kỳ). Theo Nghị định này, cù lao Khánh Hòa (tiếng Khơme là Koh Ki) thuộc phum Krek Chrey, quận Koh Thom, tỉnh Kandal (Campuchia) được sáp nhập vào làng Khánh An, tỉnh Châu Đốc (Nam Kỳ). Đồng thời, làng Bình Ghi (tiếng

Khơme là Bengel) và một dải đất rộng 200m và dài 2,5 km giữa Bình Di và khuỷu sông Prek Bình Di thuộc Châu Đốc (Nam Kỳ) sáp nhập vào Campuchia (27).

Riêng đường biên giới trên biển, cho tới cuối những năm 30 vẫn chưa có văn bản phân chia nào. Ngày 31-1-1939, sau khi xem xét đề nghị của Khâm sứ Cao Miên và của Thống đốc Nam Kỳ, Toàn quyền Đông Dương J. Brévié ra thông tư dưới dạng một bức thư gửi Thống đốc Nam Kỳ về việc phân chia ranh giới quản lý hành chính và cảnh sát đối với các đảo ở vùng biển thuộc "Cao Miên" và "Nam Kỳ". Thông tư nêu rõ:

"... tôi đã quyết định là tất cả các hòn đảo nằm ở phía bắc một đường thẳng góc với bờ biển, bắt đầu từ đường biên giới giữa Cao Miên và Nam Kỳ là làm thành một góc 140G với kinh tuyến bắc đúng theo bản đồ kèm theo đây, từ nay trở đi, sẽ thuộc quyền quản lý hành chính của Cao Miên.

"Tất cả các đảo nằm ở phía nam của đường này, gồm cả toàn đảo Phú Quốc sẽ tiếp tục đặt dưới quyền hành chính của xứ Nam Kỳ. Cần phải hiểu là đường giới tuyến được vạch ra như vậy chạy vòng theo phía bắc của đảo Phú Quốc, cách các điểm xa nhất của bờ biển phía bắc đảo đó ba kilômét".

Thông tư nói trên cũng nêu rõ: "Đương nhiên là ở đây chỉ nói đến vấn đề hành chính và cảnh sát, còn vấn đề lệ thuộc về lãnh thổ của những hòn đảo này là còn hoàn toàn bảo lưu" (28).

Như vậy, đường Brévié chỉ là đường phân chia ranh giới quản lý hành chính và cảnh sát đối với các đảo, mà không phải là đường biên giới trên biển giữa hai nước. Điều lập lờ này là nguồn gốc của những tranh chấp giữa Việt Nam và Campuchia trong những giai đoạn sau này.

Với những điều nêu trên, cho tới năm 1942, toàn bộ đường biên giới trên bộ giữa Nam Kỳ và Campuchia đã được cả hai bên nhất trí phân định và cắm mốc. Phân tích những tài liệu, văn kiện thu thập được liên quan đến việc hoạch định biên giới trên bộ giữa Nam Kỳ và Campuchia, những nhà chuyên môn nghiên cứu về vấn đề này kết luận: *“So với trình độ kỹ thuật đương thời, và nhất là so với các văn bản trước đó, hai thỏa ước này (ngày 9-7-1870 và 15-7-1873) rất chặt chẽ về pháp lý và rất khoa học về kỹ thuật đo đạc bản đồ. Sau này có các văn bản pháp lý khác sửa đổi, điều chỉnh, nhưng vẫn được giải thích tôn trọng nội dung của hai thỏa ước này”* (29).

Như vậy, giai đoạn từ 1870 đến nửa đầu những năm 40 thế kỷ XX là giai đoạn phân định biên giới đất liền giữa Nam Bộ và Campuchia. Cần lưu ý rằng đây cũng là thời gian phân định biên giới giữa Trung Kỳ và Campuchia (đoạn từ Bình Thuận tới ngã ba biên giới với Lào). Tuy nhiên, khác với đoạn biên giới Trung Bộ - nơi mà đường biên giới được xác định một cách chung chung, biên giới Nam Bộ - Campuchia được xác định một cách chi tiết hơn, cụ thể hơn (30). Tuy nhiên, ngay cả ở đoạn này người ta cũng vẫn phát hiện ra nhiều sai sót đáng kể. Thí dụ: đảo Koh-Koki (Cù Lao Khánh Hòa) đã được sắc lệnh ngày 26/7/1942 sát nhập vào Nam Kỳ vẫn được ghi nhận là lãnh thổ Campuchia trên bản đồ của Pháp xuất bản năm 1951, hoặc ở đoạn biên giới từ Hà Tiên đến Tây Ninh, việc phân định ranh giới và cắm mốc đã được thực hiện theo công ước ngày 15-7-1873, nhưng các mốc lại chủ yếu bằng gỗ hay các vại đất nung, rất dễ bị hủy hoại hoặc chuyển dịch (31).

2. Giai đoạn từ cuối những năm 40 đến năm 1975

Đây là giai đoạn của những yêu sách lãnh thổ từ phía Campuchia. Khoảng 20 năm cuối của giai đoạn này được đặc trưng bởi các cuộc xung đột biên giới giữa chính quyền Việt Nam Cộng hòa và Campuchia cũng như thất bại của các cuộc đàm phán riêng biệt về biên giới giữa Campuchia với Việt Nam Cộng hòa cũng như với Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Sau vụ Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), về danh nghĩa Pháp đã mất chủ quyền trên toàn Đông Dương và hai nước Việt Nam, Campuchia trở thành những nước có chủ quyền. Nhưng trên thực tế, Nhật vẫn nắm giữ quyền quản lý toàn Đông Dương. Ngay sau sự kiện này, thông qua người Nhật, vua Campuchia N. Xihanuc đã gửi một bức thư tới Bảo Đại đưa ra những yêu sách về lãnh thổ đối với Nam Kỳ (32). Chúng tôi chưa sưu tầm được nội dung những yêu sách này của Campuchia. Theo Bảo Đại thì ông ta không trả lời và cũng không có thời gian và điều kiện để trả lời.

Cách mạng Tháng Tám 1945 đưa đến sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) bao gồm cả ba miền Bắc, Trung, Nam. Cuộc đấu tranh ngoại giao của Chính phủ VNDCCH bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đất nước đã dẫn tới việc hai nước Việt - Pháp ký kết Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946. Theo cả hai văn kiện này, nước Pháp công nhận quyền của Việt Nam được tự do thống nhất cả ba miền, nhưng phải trên cơ sở của một cuộc trưng cầu ý dân. Trên thực tế, cả hai hiệp định này đều không được Pháp thực hiện. Tháng 12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Chính phủ VNDCCH rút lên Việt Bắc lãnh đạo kháng chiến. Từ cuối năm 1947, với ý đồ dựng một chính phủ bản xứ bù nhìn để bảo vệ quyền lợi của mình ở Việt Nam, Pháp tìm

Với những điều nêu trên, cho tới năm 1942, toàn bộ đường biên giới trên bộ giữa Nam Kỳ và Campuchia đã được cả hai bên nhất trí phân định và cắm mốc. Phân tích những tài liệu, văn kiện thu thập được liên quan đến việc hoạch định biên giới trên bộ giữa Nam Kỳ và Campuchia, những nhà chuyên môn nghiên cứu về vấn đề này kết luận: *“So với trình độ kỹ thuật đương thời, và nhất là so với các văn bản trước đó, hai thỏa ước này (ngày 9-7-1870 và 15-7-1873) rất chặt chẽ về pháp lý và rất khoa học về kỹ thuật đo đạc bản đồ. Sau này có các văn bản pháp lý khác sửa đổi, điều chỉnh, nhưng vẫn được giải thích tôn trọng nội dung của hai thỏa ước này”* (29).

Như vậy, giai đoạn từ 1870 đến nửa đầu những năm 40 thế kỷ XX là giai đoạn phân định biên giới đất liền giữa Nam Bộ và Campuchia. Cần lưu ý rằng đây cũng là thời gian phân định biên giới giữa Trung Kỳ và Campuchia (đoạn từ Bình Thuận tới ngã ba biên giới với Lào). Tuy nhiên, khác với đoạn biên giới Trung Bộ - nơi mà đường biên giới được xác định một cách chung chung, biên giới Nam Bộ - Campuchia được xác định một cách chi tiết hơn, cụ thể hơn (30). Tuy nhiên, ngay cả ở đoạn này người ta cũng vẫn phát hiện ra nhiều sai sót đáng kể. Thí dụ: đảo Koh-Koki (Cù Lao Khánh Hòa) đã được sắc lệnh ngày 26/7/1942 sát nhập vào Nam Kỳ vẫn được ghi nhận là lãnh thổ Campuchia trên bản đồ của Pháp xuất bản năm 1951, hoặc ở đoạn biên giới từ Hà Tiên đến Tây Ninh, việc phân định ranh giới và cắm mốc đã được thực hiện theo công ước ngày 15-7-1873, nhưng các mốc lại chủ yếu bằng gỗ hay các vại đất nung, rất dễ bị hủy hoại hoặc chuyển dịch (31).

2. Giai đoạn từ cuối những năm 40 đến năm 1975

Đây là giai đoạn của những yêu sách lãnh thổ từ phía Campuchia. Khoảng 20 năm cuối của giai đoạn này được đặc trưng bởi các cuộc xung đột biên giới giữa chính quyền Việt Nam Cộng hòa và Campuchia cũng như thất bại của các cuộc đàm phán riêng biệt về biên giới giữa Campuchia với Việt Nam Cộng hòa cũng như với Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Sau vụ Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), về danh nghĩa Pháp đã mất chủ quyền trên toàn Đông Dương và hai nước Việt Nam, Campuchia trở thành những nước có chủ quyền. Nhưng trên thực tế, Nhật vẫn nắm giữ quyền quản lý toàn Đông Dương. Ngay sau sự kiện này, thông qua người Nhật, vua Campuchia N. Xihanuc đã gửi một bức thư tới Bảo Đại đưa ra những yêu sách về lãnh thổ đối với Nam Kỳ (32). Chúng tôi chưa sưu tầm được nội dung những yêu sách này của Campuchia. Theo Bảo Đại thì ông ta không trả lời và cũng không có thời gian và điều kiện để trả lời.

Cách mạng Tháng Tám 1945 đưa đến sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) bao gồm cả ba miền Bắc, Trung, Nam. Cuộc đấu tranh ngoại giao của Chính phủ VNDCCH bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đất nước đã dẫn tới việc hai nước Việt - Pháp ký kết Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946. Theo cả hai văn kiện này, nước Pháp công nhận quyền của Việt Nam được tự do thống nhất cả ba miền, nhưng phải trên cơ sở của một cuộc trưng cầu ý dân. Trên thực tế, cả hai hiệp định này đều không được Pháp thực hiện. Tháng 12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Chính phủ VNDCCH rút lên Việt Bắc lãnh đạo kháng chiến. Từ cuối năm 1947, với ý đồ dựng một chính phủ bản xứ bù nhìn để bảo vệ quyền lợi của mình ở Việt Nam, Pháp tìm

đến vua Bảo Đại. Sau các hiệp ước Hạ Long 1 (tháng 12-1947), Hạ Long 2 (tháng 6-48) và Élidé (8-3-1949), ngày 4-6-1949 Tổng thống Pháp V. Auriol ký Luật 49-733 chấm dứt quy chế thuộc địa Pháp đối với Nam Bộ và trả lại vùng này cho chính quyền Bảo Đại (33). Như vậy, về mặt pháp lý, sau gần 100 năm bị tước đoạt, chủ quyền đối với vùng đất Nam Bộ lại thuộc về lãnh thổ Việt Nam.

Đối với Campuchia, sau một thời gian bị Nhật đảo chính, chiếm quyền, đầu năm 1946, Pháp quay lại tái lập chế độ bảo hộ. Ngày 7-1-1946, hai nước ký một tạm ước quy định mối quan hệ giữa hai bên. Theo văn kiện này, Campuchia là một nước tự trị thuộc Liên bang Đông Dương. Nhưng văn kiện này không nhắc gì tới vấn đề biên giới (34). Liệu có phải vào lúc này Campuchia đã từ bỏ những yêu sách lãnh thổ đối với Nam Kỳ, được chuyển cho Bảo Đại sau tháng 3-1945? Rõ ràng là không phải như vậy, vì chỉ chưa đầy 8 tháng sau, trong Hội nghị Đà Lạt lần thứ hai do d'Argenlieu tổ chức cùng đại biểu các lực lượng thân Pháp ở các nước Đông Dương với mục đích phá hoại Hội nghị Fontainebleau, đại biểu Campuchia một lần nữa đã đặt ra vấn đề chủ quyền của của Campuchia ở Nam Kỳ. Ông ta nói: *"Các ngài biết rằng đất Nam Kỳ là đất của Campuchia do Quốc vương Campuchia nhượng cho Hoàng đế An Nam, nhưng không được một tài liệu ngoại giao nào phê chuẩn. Rồi Pháp đến, Pháp đã tiến hành chiến tranh xâm lược và bình định toàn bộ Nam Kỳ... Chính phủ Campuchia đã ngầm thừa nhận quyền sở hữu của Pháp đối với vùng đất mà họ đã mất và về mặt pháp lý thì đất này chưa bao giờ thuộc về An Nam. Không có vấn đề trưng cầu dân ý vì Nam Kỳ là một và không thể phân chia và chưa bao giờ thuộc về An Nam"* (35).

Chúng ta cũng gặp lại những yêu sách này của Campuchia trong giai đoạn 1948-1949, khi Pháp tiến hành đàm phán với Bảo Đại về việc trao trả Nam Kỳ và trong tiến trình của Hội nghị Genève 1954. Những yêu sách đó được trình bày trong những tài liệu sau:

- Thư ngày 20-1-1948 của vua Campuchia Norodom gửi Cao ủy Pháp ở Đông Dương (36) và thư ngày 2-4-1949 gửi Chủ tịch Liên hiệp Pháp (37).

- Các bài phát biểu của Công chúa Yukanthor, đại diện của Campuchia tại các cuộc họp của Đại Hội đồng Liên hiệp Pháp tháng 5-1949 (38).

- Biên bản kèm theo Hiệp ước Pháp - Campuchia ngày 8-11-1949 (39)

- Giác thư của Campuchia về lãnh thổ của Campuchia ở Nam Việt Nam (Nam Kỳ), Tài liệu của phái đoàn Vương quốc Campuchia ở Hội nghị Genève 1954 (40).

Các yêu sách lãnh thổ của Campuchia thời gian này có thể tóm lược lại như sau:

- Nam Kỳ là lãnh thổ Campuchia đã bị Việt Nam thôn tính.

- Cho tới khi Pháp xâm lược, phần lớn các tỉnh miền Tây vẫn là lãnh thổ Campuchia. Chính Pháp đã chiếm các tỉnh miền Tây để cùng với các tỉnh miền Đông tạo thành thuộc địa Cochinchine.

- Campuchia chỉ nhường vùng này cho riêng Pháp. Nếu Pháp rút đi thì vùng này phải được trả lại cho Campuchia.

- Những công ước 1870 và 1873 là những quyết định đơn phương của Pháp (Giác Thư của Campuchia), do đó nó không có giá trị.

Đồng thời, tại Hội nghị Genève, Campuchia đã nêu ra sáu phương thức

khác nhau để giải quyết vấn đề biên giới với Việt Nam. Họ yêu sách :

1/Hoặc tất cả hữu ngạn của sông Bassac, cộng với một phần của hữu ngạn sông Mê Kông tính từ kênh Tân Châu cũng như tỉnh Trà Vinh và Phú Quốc, và quyền được quá cảnh qua Sài Gòn.

2/ Hoặc lãnh thổ chạy dài tới tận hữu ngạn sông Mê Kông, các tỉnh Hà Tiên, Châu Đốc, Long Xuyên, Cần Thơ, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long và Sa Đéc, đảo Phú Quốc, quá cảnh qua Sài Gòn và bảo vệ các dân Khơme thiểu số trong các tỉnh khác.

3/Hoặc một nửa các tỉnh Châu Đốc, Long Xuyên, Cần Thơ, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long, Sa Đéc, và đảo Phú Quốc, kênh Vĩnh Tế, sử dụng cảng Sài Gòn (dành một vùng cho Campuchia) và bảo vệ các dân Khơme thiểu số.

4/Hoặc các tỉnh Hà Tiên, Châu Đốc, Long Xuyên và một phần các tỉnh Rạch Giá, Sa Đéc, Tân An và Tây Ninh, đảo Phú Quốc, bảo vệ các dân Khơme thiểu số, sử dụng cảng Sài Gòn và quốc tế hóa sông Mê Kông.

5/Hoặc là quốc tế hóa Nam Kỳ, kênh Vĩnh Tế và quy chế miễn thuế đối với cảng Sài Gòn.

6/Đặt Nam Kỳ và đảo Phú Quốc dưới sự quản thác của Liên hợp quốc" (41).

Tuy nhiên, các yêu sách của Campuchia không được chấp nhận. Nam Kỳ vẫn được trả cho vua Bảo Đại (Việt Nam) năm 1949 và các nghị quyết của Hội nghị Genève cũng không ghi nhận những yêu sách của Campuchia. Điều duy nhất Campuchia đạt được là trong các cuộc hội nghị giữa Pháp, chính quyền Bảo Đại, Campuchia và Lào năm 1954 tại Paris để giải quyết những vấn đề tồn tại sau khi Đông Dương thuộc

pháp được giải thể. Theo kết quả của các cuộc hội nghị này, sau khi được độc lập, Campuchia được quyền đi lại tự do trên sông Mê Kông để ra biển và được quyền sử dụng Cảng Sài Gòn (42).

Sau hội nghị Genève, Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền. Miền Nam do chính quyền Việt Nam Cộng hòa chiếm đóng và miền Bắc nằm dưới sự quản lý của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sự phát triển của cuộc đấu tranh đòi thống nhất đất nước đã đưa đến sự ra đời của Mặt trận DTGPMNVN (tháng 12-1960) mà thực lực và uy tín quốc tế ngày càng lớn mạnh. Như vậy là từ thời điểm này, vấn đề biên giới - lãnh thổ Việt Nam - Campuchia liên quan trực tiếp, ít nhất tới Campuchia và hai chính quyền Việt Nam Cộng hòa và Mặt trận DTGPMNVN. Mặt khác, trong tiến trình của cuộc đấu tranh vũ trang chống Mỹ cứu nước, các lực lượng vũ trang của Mặt trận DTGPMNVN đã sử dụng những khu vực biên giới như những căn cứ của mình. Chính trong bối cảnh này những tranh chấp về biên giới lãnh thổ Việt Nam - Campuchia được đặt ra ngày càng gay gắt.

Từ đầu năm 1956, trong khi truy đuổi các lực lượng tôn giáo chống đối, quân đội Sài Gòn đã thâm nhập vào lãnh thổ Campuchia. Trong những năm 1957 - 1958, nhiều cọc mốc biên giới bị quân đội Sài Gòn dịch chuyển. Ủy ban giám sát quốc tế (CIC) được lập ra theo Hiệp định Giơnevơ đã ghi nhận việc này (43). Năm 1958, phái đoàn của Campuchia ở Liên Hợp Quốc cho phát hành tài liệu "Nam Kỳ đất Campuchia", một lần nữa đặt lại vấn đề về quyền của Campuchia đối với Nam Bộ (44). Ngày 3-8-1959 Xihanuc đến Sài Gòn để dàn xếp và tỏ ý sẵn sàng từ bỏ "các quyền lịch sử" của Campuchia để đổi lấy sự công nhận chính thức đường biên giới. Nhưng những cố gắng

của Xihanuc không đem lại kết quả (45). Về phía mình, ngày 9-3-1960 và ngày 14-4-1960, chính quyền Sài Gòn đòi bảy hòn đảo ven biển Campuchia: Hòn Dừa, Hòn Năng Trong, Hòn Năng Ngoài, Hòn Tai, Hòn Tre Năm, Hòn Kiến Vàng và Hòn Keo Ngựa, đều nằm ở phía Bắc đường Brêvê và đang bị Campuchia chiếm đóng (46). Cùng với cuộc chiến ngoại giao thông qua các công hàm phản đối lẫn nhau, chiến sự cũng bùng nổ ở nhiều nơi trên biên giới và dẫn đến việc hai bên cắt đứt quan hệ ngoại giao vào ngày 27-8-1963. Sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ (tháng 11-1963), phía Campuchia đưa ra 5 điều kiện khôi phục quan hệ giữa hai nước. Các cuộc đàm phán được tiến hành theo 3 đợt:

- Đợt 1 được tiến hành ngày 16-12-1963 tại Pnom Pênh.

- Đợt 2 được tiến hành ngày 24-12-1963 tại Sài Gòn.

- Đợt 3 được tiến hành từ ngày 21 đến 23-3-1964 tại Pnom Pênh.

Trong cả 3 cuộc đàm phán, phía Campuchia đưa ra yêu cầu đòi Sài Gòn rút lại Công hàm ngày 9-3-1960, nhưng bản thân họ tuyên bố vẫn bảo lưu chủ quyền của mình trên lãnh thổ Nam Kỳ và cả đảo Phú Quốc. Tuy nhiên, các cuộc đàm phán bị chấm dứt do các cuộc xung đột lại bùng nổ ở biên giới và không có thỏa thuận nào được ký kết. Nhận xét về thái độ của Campuchia trong 3 cuộc đàm phán này, nhà nghiên cứu người Pháp Raoul Jennar viết "... họ thực hiện công thức "những gì thuộc về tôi là của tôi, những gì thuộc về bạn là có thể thương lượng" (47).

Sau những cuộc đàm phán không thành với chính quyền Sài Gòn, Campuchia tìm tới thỏa thuận với Mặt trận DTGPMNVN. Ngày 20-6 và 18-8-1964, Xihanuc gửi thư cho Chủ tịch Mặt trận DTGPMNVN

Nguyễn Hữu Thọ, mong muốn hai bên gặp nhau để trao đổi ý kiến về vấn đề biên giới và tỏ lòng sẵn sàng "... từ bỏ mọi đòi hỏi về đất đai để đổi lấy một sự công nhận rõ ràng đường biên giới hiện tại và chủ quyền của chúng tôi đối với các đảo ven biển mà Chính phủ Sài Gòn đã đòi một cách phi pháp..." (48). Như vậy, đã có một sự thay đổi nhất định trong lập trường của Campuchia về những tranh chấp lãnh thổ với Việt Nam. Từ chỗ phủ nhận chủ quyền của Việt Nam đối với Nam Bộ, Campuchia đã đi tới chỗ cần một sự công nhận đường biên giới hiện tại. Tuy nhiên những diễn biến trên thực tế cho thấy sự quanh co, không nhất quán trong lập trường của Campuchia.

Tháng 10 và tháng 12-1964, hai bên đã tiến hành đàm phán tại Bắc Kinh. Trong những cuộc đàm phán, Campuchia đưa ra yêu sách đòi đảo Hải Tặc Nam và đảo Thổ Chu của Việt Nam (nằm ở phía Nam đường Brêviê); đồng thời đưa ra bản đồ với 9 chỗ tẩy xóa và vẽ lại đường biên giới trên bộ lấn sang lãnh thổ Việt Nam. Mặt khác họ gán vấn đề biên giới với những vấn đề khác như vấn đề đặc quyền của người Khơme ở miền Nam Việt Nam (49). Do đó, những cuộc đàm phán năm 1964 không đi đến kết quả.

Sau những thất bại của các cuộc thương thuyết nêu trên, chính quyền Pnom Pênh lại quay lại với những yêu sách cũ của mình. Ngày 10-1-1965, thông qua Sứ quán Pháp ở Pnom Pênh, Campuchia gửi cho chính quyền Sài Gòn Công hàm, tuyên bố bảo lưu chủ quyền của mình đối với Nam Kỳ, và nêu ra 5 vùng lãnh thổ mà tựa hồ như đã bị chính quyền thuộc địa sáp nhập vào Nam Kỳ một cách không hợp pháp (50):

1- Lãnh thổ của Commissariat Đắc Lắc trước đây (thuộc Trung Kỳ).

2- Các xã Thanh An, Cửu An, Minh Ngãi, Quang Lợi, và Phước Lê ở Thủ Dầu Một.

3- Các lãnh thổ Chong Ba din, Srok Tranh và Bang Chrum ở Tây Ninh.

4- Bờ hai con sông Vaico.

5- Làng Saky và làng Koh Chanlos.

Tháng 8-1966, vẫn theo theo đề nghị của Xihanuc, một Đoàn đại biểu Mặt trận DTGPMNVN đến Phnôm Pênh tiếp tục đàm phán về vấn đề biên giới (51). Một lần nữa phía Campuchia lại đòi sửa đổi thêm đường biên giới trên đất liền đã được thể hiện trên bản đồ tỷ lệ 1/100.000 của Sở Địa dư Đông Dương thuộc Pháp từ trước năm 1954, đồng thời đòi chủ quyền trên đảo Phú Quốc, gắn vấn đề biên giới với những vấn đề khác như: đặc quyền của người Khơme ở miền Nam Việt Nam; quyền đi lại của Campuchia trên sông Mê Công và sử dụng cảng Sài Gòn. Do những yêu sách này, cuộc đàm phán phải hoãn lại và ngày 17-9-1966, Campuchia yêu cầu chấm dứt đàm phán (52).

Nhận định về các cuộc đàm phán của Campuchia năm 1964 và 1966 với Mặt trận DTGPMNVN, một nhà nghiên cứu viết: "... người ta (Campuchia) đã chuyển từ chủ nghĩa đòi lại đất về nguyên tắc sang chủ nghĩa đòi lại đất trong thương lượng. Người ta không còn đòi lại "đất bị mất" nữa, nhưng sự từ bỏ này không được thực hiện một cách im lặng mà được đưa ra như một sự nhượng bộ. Một lần nữa, cuộc đàm phán ngay lập tức lại bị mất cân đối vì một bên (Campuchia) đơn phương lựa chọn cái mà họ nhượng" (53).

Ngày 9-5-1967, Chính phủ Vương quốc Campuchia kêu gọi các nước tôn trọng toàn

vẹn lãnh thổ Campuchia trong đường biên giới hiện tại. Đáp ứng lời kêu gọi này, ngày 31-5-1967, Mặt trận DTGPMNVN ra tuyên bố khẳng định lập trường của mình là công nhận và cam kết tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia trong những đường biên giới hiện tại. Ngày 8-6-1967, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng ra tuyên bố tương tự (54). Tuy nhiên, như đã trình bày ở trên, khái niệm "*các đường biên giới hiện tại*" của Campuchia là vô cùng mâu thuẫn. Và trên thực tế, từ sau năm 1967 cho tới khi Xihanuc bị lật đổ đã không có cuộc đàm phán nào được tiến hành giữa các bên liên quan.

Tháng 3-1970, sau một cuộc đảo chính lật đổ Xihanuc, chính quyền của tướng Lon Nol thân Mỹ được thiết lập ở Campuchia. Ngay sau đó, với sự chấp nhận của chính quyền Lon Nol, quân đội Sài Gòn kéo vào Campuchia để "tấn công các căn cứ của quân đội cộng sản Bắc Việt". Bối cảnh lịch sử mới này thúc đẩy chính quyền Lon Nol tìm cách dàn xếp những tranh chấp lãnh thổ, và trước hết là trên biển với chính quyền Sài Gòn. Chúng tôi chưa xác định được địa điểm và nội dung cụ thể của các cuộc đàm phán này. Tuy nhiên, theo Jennar, vào tháng 7 và 8-1972 Campuchia ban hành 2 sắc lệnh quy định vùng thêm lục địa của Campuchia, theo đó, đảo Thổ Chu và Phú Quốc là thuộc Campuchia (55). Cũng theo tác giả Jennar, các cuộc đàm phán diễn ra vào tháng 5-1973 và tháng 3-1975. Có thể là đường phân chia này đã được Campuchia đưa ra trong các cuộc đàm phán. Trong mọi trường hợp, cho tới khi chính quyền Lon Nol bị sụp đổ (năm 1975) hai bên vẫn không đạt được bất cứ thỏa thuận nào.

(Còn nữa)

CHÚ THÍCH

(1). Xem Hà Văn Tấn: *Phù Nam và Óc Eo: Ở đâu? Khi nào? Bao giờ* trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học Biên giới Tây Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2-1996.

(2). Xem Đào Duy Anh: *Đất nước Việt Nam qua các đời*. Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1994, tr. 234.

(3). Chu Đạt Quan: *Chân Lạp phong thổ ký*. Trích lại từ bản thảo Hội KHL SVN: *Quá trình xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ*.

(4). Xem bản thảo của Hội KHL SVN: *Quá trình xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ*.

(5). Xem Báo cáo của GS-TSKH. Vũ Minh Giang: *Quá trình xác định chủ quyền...* trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học Biên giới Tây Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2-1996.

(6). Xem Nguyễn Địch Dỹ, Đinh Văn Thuận. *Biến đổi của môi trường tự nhiên vùng đất Nam Bộ từ đầu công nguyên đến nay và tác động của nó đến đời sống cư dân*. Báo cáo tại Hội thảo khoa học "Lịch sử vùng đất Nam Bộ đến cuối thế kỷ XIX", Tp. Hồ Chí Minh ngày 6-7/4/2006.

(7). G. Maspéro, *L'empire Khmer*, Phnom Penh, 1904, tr. 61.

(8). *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Bản dịch của Viện sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr. 72.

(9). Xem Đào Duy Anh: *Đất nước Việt Nam qua các đời*, sđd, tr. 236

(10), (11), (12). Trích *Đại Nam thực lục*, sđd, tr. 122, 111, 122.

(13). Xem *Đại Nam thực lục*, sđd, tr. 164-165. Theo Đào Duy Anh, sđd, tr. 238 thì Tầm Bôn ở phía Bắc tỉnh Định Tường, còn Soi Rạp ở phía Bắc tỉnh Gia Định.

(14). Xem *Đại Nam thực lục*, sđd, tr. 166. Theo Đào Duy Anh, sđd, tr. 238. Ba Thắc là Sóc Trăng.

(15). Xem *Đại Nam thực lục*, sđd, tr. 166. Cũng vẫn theo Đào Duy Anh, tr. 238-239, Tầm Phong

Long là vùng Tân Châu. 5 vùng Hương Úc, Cần Vọt, Chân Sum, Sài Mạt, Linh Quỳnh được trả lại cho Campuchia vào thời Tự Đức.

(16). Xem thư trong M. Jennar: *Các đường biên giới của nước Campuchia hiện đại*. Tập 2, Ban Biên giới, tr. 345. Bộ Ngoại giao Pháp còn lưu giữ 2 bản dịch ra tiếng Pháp bức thư này. Ngoài bức thư được Jennar dẫn, còn một bản nữa, trong đó phần tôi trích dẫn trên còn thêm một đoạn nhỏ nói rằng Ang Duong chỉ đòi lại những vùng miền Tây.

(17). Điều 16 Hiệp định Hữu nghị và thương mại ký ở Udôn ngày 11-8-1863, trong *Nouveau Recueil général de Traités et autres actes relatifs aux rapports de droit international*, 2^{ème} série, Göttinge, Librairie de Dieterich, 1878, T. IX p. 626-630.

(18). Theo Văn phòng Nha Địa lý, Vụ Tỉnh báo và Nghiên cứu của Mỹ, công việc này được tiến hành từ những năm 1868-1869. (Xem bài *Đường Biên giới Campuchia-Việt Nam*, trích từ Tạp chí *Nghiên cứu biên giới quốc tế*, số 155, ngày 5-3-1976, bản dịch của Ban Biên giới, tr. 15).

(19). Xem Philippe Langlet et Quach Thanh Tam, *Atlas historique des six provinces du sud du Vietnam du milieu du XIX au debut du XX siècle*. Les Indes savants, Paris, 2001, pp. 19, 21.

(20). Nguyễn Thị Hào, *Les relations khmero-sudvietnamiennes*, thèse doctorat en droit, Université de Droit et des sciences sociales de Paris, P. 1972, p. 127-128.

(21), (22), (23). M. Jennar, sđd, tr. 414-415, 415, 416-417.

(24). Xem: *Những tranh chấp giữa Việt Nam và Cambốt về đất đai và biên giới*, Tạp chí Quê hương số đặc biệt, S. 12/1961. Tài liệu do Vụ Luật pháp Quốc tế Bộ Ngoại giao cung cấp.

(25), (26), (27). Toàn văn nghị định xem trong M. Jennar, sđd, tr. 439-441, 442-444, 444-446.

(28). *Sự thật về vấn đề biên giới Việt Nam - Campuchia* (Tài liệu của Bộ Ngoại giao nước

CHXHCN Việt Nam), đăng trên Báo *Nhân dân* số ra ngày 8-4-1978.

(29). Bùi Chí Dũng: "Tóm tắt việc giải quyết đường biên giới trên đất liền trong thời kỳ thực dân Pháp qua các văn bản" trong Kỷ yếu hội thảo khoa học "Biên giới Tây Nam", Hà Nội, 1996.

(30). Xem cụ thể trong Jeina, Nguyễn Thị Hảo, Blanchard, các sách đã dẫn.

(31). Xem Nguyễn Thị Hảo, *Les relations khmero-sudvietnamiennes*, thèse doctorat en droit, Université de Droit et des sciences sociales de Paris, sdd, tr. 153-157.

(32). Xem Bảo Đại: *Con rồng Annam*, và Michel Blanchard, *VIETNAM - CAMBODGE - Une frontière contestée (Việt Nam - Campuchia: Một đường biên giới còn tranh cãi)*, Nxb. L'Harmattan, Paris, 1999. Bản dịch của Ban Biên giới.

(33). Xem Luật 49-733, Tài liệu do Vụ Luật pháp Quốc tế Bộ Ngoại giao cung cấp, lưu trữ của tác giả.

(34). Xem Nguyễn Thị Hảo, *Les relations khmero-sudvietnamiennes*, Thèse pour le doctorat en droit, Paris, 1972, p 31 và M. Jennar, sdd, tr. 352.

(35). Trích lại từ M. Jennar, sdd, tập I. Ban Biên giới, tr. 75.

(36). Xem Nguyễn Thị Hảo, *Les relations khmero-sudvietnamiennes*, Thèse pour le doctorat en droit, Paris, 1972, pp. 87-90.

(37). Xem trích đoạn trong M. Jennar, sdd, T. 1, tr. 79.

(38). Bài phát biểu của Công chúa Yukanthor..., Tài liệu do Vụ Luật pháp Quốc tế Bộ Ngoại giao cung cấp, Lưu trữ của tác giả.

(39). Hiệp ước Pháp - Campuchia ngày 8-11-1949, Tài liệu do Vụ Luật pháp Quốc tế Bộ Ngoại giao cung cấp, Lưu trữ của tác giả.

(40). Giác thư của Campuchia về lãnh thổ của Campuchia ở Nam Việt Nam (Nam Kỳ), Tài liệu do Vụ Luật pháp Quốc tế Bộ Ngoại giao cung cấp, Lưu trữ của tác giả.

(41). Trích Michel Blanchard, sdd.

(42). Theo Jennar, sdd, T. 2, tr. 101-102; Nguyễn Thị Hảo, sdd.

(43), (45), (47), (53). Xem Jennar, sdd, T. 1, tr. 113, 114, 127, 161

(44). Xem "Nam Kỳ đất Campuchia", Tài liệu Vụ Luật pháp quốc tế Bộ Ngoại giao cung cấp.

(46). Xem "Công hàm chính thức của Bộ Ngoại giao Cộng hòa Việt Nam gửi Bộ Ngoại giao Campuchia, ngày 9/3/1960" và "Công hàm chính thức của Bộ Ngoại giao Cộng hòa Việt Nam gửi Bộ Ngoại giao Campuchia, ngày 14/4/1960" trong phần phụ lục của Nguyễn Thị Hảo, sdd, tr. 264-267 và 270-271.

(48), (51). Tài liệu của Bộ Ngoại giao "Sự thật về vấn đề biên giới Việt Nam - Campuchia", Báo *Nhân dân* ngày 8-4-1978.

(49). Tài liệu của Bộ Ngoại giao "Sự thật về vấn đề biên giới Việt Nam - Campuchia", Tlđd. Và R. M. Jennar, sdd, T. 1, tr. 147-150.

(50). Xem toàn văn trong phần phụ lục của Nguyễn Thị Hảo, sdd, tr. 271-273.

(52). Tài liệu của Bộ Ngoại giao "Sự thật về vấn đề biên giới Việt Nam - Campuchia", Báo *Nhân dân* ngày 8-4-1978.

(54). Xem Tuyên bố ngày 31-5-1967 của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và Tuyên bố ngày 8-6-1967 của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tài liệu Vụ Luật pháp Quốc tế Bộ Ngoại giao cung cấp.

(55). Xem Jennar, sdd, T. 1, tr. 167-172 và toàn văn các sắc lệnh này trong T. 2, tr. 483-485, 489-490.